

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.

2. Ông Phạm Đức Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/6/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2023/TLST – HNGĐ ngày 13/4/2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST– HNGĐ ngày 31/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Y, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ A, khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ A, khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh ĐN, cấp CR, xã SC, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Tổ A, khu PH, thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Bà Y, ông T xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Hồ Thị Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Quang T kết hôn với nhau năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Từ năm 2009, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống căng thẳng, không hạnh phúc. Đến năm 2012,

mặc dù ở cùng nhà nhưng vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng tự giải quyết vấn đề kinh tế, không còn quan T1 tới nhau nữa. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà Y làm đơn xin được ly hôn.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Ngô Hữu T1, sinh năm 1999 và Ngô Thị T1 Th, sinh năm 2001. Cả 02 con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2023, ông Ngô Quang T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hồ Thị Y kết hôn với nhau năm 1998, nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Thành. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay, bà Y làm đơn xin được ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Ngô Hữu T1, sinh năm 1999 và Ngô Thị T1 Th, sinh năm 2001. Cả 02 con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành có ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng, về việc xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ vụ án và thời hạn chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử đều được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Y và ông T được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận đơn ly hôn của bà Y, cho bà Hồ Thị Y được ly hôn với ông Ngô Quang T

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Ngô Hữu T1, sinh năm 1999 và Ngô Thị T1 Th, sinh năm 2001. Cả 02 con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên không xem xét.

Về nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Ngô Quang T có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án nhân dân

huyện Long Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Bà Y khởi kiện xin được ly hôn với ông T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Thành căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ là “Tranh chấp ly hôn”.

- Bà Hồ Thị Y, ông Ngô Quang T là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt khi xét xử. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Long Thành vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Y và Ông Ngô Quang T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên được coi là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà Y, ông T không có hạnh phúc, nguyên nhân là do không hợp nhau. Nay, bà Y, ông T đều thống nhất ly hôn để trả tự do cho nhau, nhưng do ông T đang phải chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên Tòa án nhân dân huyện Long Thành không tiến hành hòa giải thành được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, cho bà Hồ Thị Y được ly hôn với ông Ngô Quang T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Ngô Hữu T1, sinh năm 1999 và Ngô Thị T1 Th, sinh năm 2001. Cả 02 con đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐ - ST: Bà Y phải nộp 300.000đ án phí ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 203, 220, 235, 264, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hồ Thị Y.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Y được ly hôn với ông Ngô Quang T.

Về con chung: có 02 con chung tên Ngô Hữu T1, sinh năm 1999 và Ngô Thị T1 Th, sinh năm 2001.

Anh T1, chị Th đều đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí HNGĐ – ST: Bà Y phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành theo biên lai thu số 0009300 ngày 10/4/2023.

Bà Y, ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự H. Long Thành;
- VKS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Đình Trung